

**Chỉ đạo nội dung:**

*Đại tá, Thạc sĩ Ngô Văn Chung*

**Biên tập:**

*Thượng tá, Cử nhân Lê Như Thủy*

## **LỜI MỞ ĐẦU**

Sáng sớm ngày 9/8/2007, trước khi mở cửa thị trường chứng khoán của EU, Ngân hàng “BNP Paribas” của Pháp tuyên bố ngừng hoạt động tại 3 quỹ đầu tư của họ vì không thể xác định chính xác giá cổ phiếu theo các hợp đồng đã ký với các chủ đầu tư trên thị trường nhà đất Mỹ. Tuy nhiên, đến nay, sau 5 năm nhìn lại, sự kiện ngày 9/8/2007 được các chuyên gia nghiên cứu kinh tế thế giới xác định là thời điểm mở đầu cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế thế giới nặng nề nhất kể từ cuộc đại suy thoái những năm 1930. Thậm chí, Adam Aplagat (Adam Applagart), Tổng Giám đốc Ngân hàng Anh “Northern Rock”, nhận định, ngày 9/8/2007 là “cột mốc đánh dấu thời điểm thay đổi thế giới”.

Trên thực tế, sự kiện ngày 9/8/2007 chỉ là mồi lửa nhỏ để châm ngòi cho một đám cháy lớn đã từng tích tụ trong nhiều năm xuất phát từ mâu thuẫn nội tại trong lòng chủ nghĩa tư bản mà giới lãnh đạo ở nhiều nước cũng như giới chuyên gia gọi là cuộc khủng hoảng mang tính hệ thống trong một giai đoạn phát triển mới có tính bước ngoặt của lịch sử thế giới.

Hơn 5 năm đã trôi qua, kể từ ngày mở màn cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu, thế giới vẫn đang loay hoay tìm lối thoát cho cuộc khủng hoảng trầm trọng đó. Kinh tế thế giới vẫn đứng trước tình cảnh u ám, bất ổn và rủi ro. Nhằm giúp các đồng chí có điều kiện tìm hiểu thêm và có cái nhìn toàn diện, sâu sắc hơn về cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế thế giới sau 5 năm cũng như những tác động của nó đối với cục diện chính trị - quân sự thế giới, Thư viện Quân đội trên cơ sở tổng thuật từ các nguồn tài liệu, biên soạn thông tin chuyên đề **“Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế thế giới sau 5 năm nhìn lại”**

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng chí

**Mọi ý kiến xin gửi về:**

Phòng Thông tin – Thư mục – Máy tính

THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI

83 Lý Nam Đế – Hà Nội

ĐT: (069)554556

Fax: (04)8235130

Email: [thuvienquandoi@gmail.com](mailto:thuvienquandoi@gmail.com)

# I. NGUYÊN NHÂN CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH – KINH TẾ THẾ GIỚI

## 1. Xuất phát từ khủng hoảng cơ cấu kinh tế thế giới

Trong 5 năm vừa qua có rất nhiều bài viết trên các phương tiện thông tin đại chúng của các nhà nghiên cứu, phân tích, bình luận quốc tế về nguyên nhân khủng hoảng tài chính ở Mỹ. Góp thêm một cách nhìn về nguồn căn của sự kiện gây chấn động này, giáo sư Cuốc-man Ác-me-tốp trong bài “Cuộc khủng hoảng tài chính đang sải bước khắp hành tinh” đăng trên Báo “Tự do ngôn luận” (Ca-dắc-xtan), số ra ngày 25/9/2008 cho rằng, cuộc khủng hoảng kinh tế hiện nay ở Mỹ là khủng hoảng mang tính cơ cấu. Chúng ta đang chứng kiến không phải là một cuộc khủng hoảng thuần túy tài chính mà là cuộc khủng hoảng cơ cấu của nền kinh tế thế giới.

Theo giáo sư Cuốc-man Ác-me-tốp, cuộc khủng hoảng bùng phát ở Mỹ xuất phát trước hết từ khu vực tài chính, do nền kinh tế ảo thoát ly quá xa khỏi nền kinh tế thực. Khu vực tài chính Mỹ đã trở thành ngành kinh tế có lợi nhuận cao nhất thế giới. Lĩnh vực sản xuất thực đã không đem lại lợi nhuận cao bằng việc mua và bán lại các cổ phiếu. Kể từ năm 1980, các luồng tiền và trao đổi ngoại tệ đã tăng lên gấp 5 lần. Ngày nay, mỗi ngày trên thế giới có khoảng 1500-1700 tỉ USD được bơm vào thị trường. Trong đó, có tới 90% số tiền này là của các vụ kinh doanh, các luồng vốn đầu cơ, được chuyển từ nước này sang nước khác trong một giờ, một ngày, một tuần, rồi lại bắt đầu vòng quay của mình. Vốn đầu cơ ngày nay đã vượt gấp 50 lần giá trị của toàn bộ thương mại quốc tế. Tiền ở phương Tây bắt đầu được làm ra chủ yếu không phải từ sản xuất sản phẩm vật chất, mà từ “không khí”, bởi lẽ, các nước phát triển phương Tây đã qua giai đoạn công nghiệp hóa, các ngành sản xuất không còn mang lại lợi nhuận cao, nên chúng được chuyển giao sang cho các nước có lao động rẻ hơn như Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam Á, Mỹ La-tinh v.v... thực hiện. Phương Tây nhập hàng hóa chủ yếu từ các nước “thế giới thứ ba”. USD được in ra chỉ ở Mỹ nhưng lại theo nhu cầu tiêu dùng trên khắp thế giới.

Ở Mỹ và các nước phương Tây nói chung, các nguồn tài chính chủ yếu đã chuyển thành các cổ phiếu và tín dụng cầm cố. Khi các thị trường tài chính chao đảo, các ngân hàng và các công ty phá sản; các chứng khoán trở nên không đáng tin tưởng, thì mọi người không còn muốn đầu tư vào “mặt hàng” này nữa. Trong bối cảnh đó không có biện pháp nào của chính sách tiền tệ - tín dụng có thể giải quyết được. Cuộc khủng hoảng được sinh ra từ chính sự mất cân đối về cơ cấu của nền kinh tế Mỹ và thế giới dưới tác động của quá trình “Mỹ hoá”. Đó là lý do khiến nhiều chuyên gia phân tích cho rằng, kế hoạch giải cứu 700 tỉ USD do Tổng thống Mỹ G.W.Bush đưa ra năm 2008 chỉ là “liều thuốc an thần”, chứ không cứu vãn được nền kinh tế Mỹ đang trên đà suy thoái. Bộ trưởng Tài chính Đức Xtâybrúc (Steinbrueck) cho rằng, đây là cuộc “khủng hoảng tài chính tồi tệ nhất từ nhiều thập kỷ nay”.

Tuy nhiên, không phải ai cũng chấp nhận giải pháp tương tự. Tại diễn đàn chống khủng hoảng của Nhóm G-20 diễn ra tháng 11/2008 ở Oasinhton, trong cuộc trao đổi với Tổng thống Mỹ G.W.Bu-sơ, Thủ tướng Đức Angiê-la Macken (Angela Merkel) từng cảnh báo rằng cách hóa giải nợ xấu như Chính phủ Mỹ đã làm sẽ tạo ra những khoản nợ công khổng lồ mới còn lớn hơn nữa. Dự báo của bà Angiê-la Macken hoàn toàn chính xác: sau 5 năm, nợ công đã trở thành “căn bệnh ung thư” khó chữa trong nền kinh tế hàng loạt nước trên thế giới, kể cả Mỹ.

Tuy nhiên, vào mùa thu năm 2008, lãnh đạo các nước Phương Tây đứng trước sự lựa chọn: bỏ mặc cho tất cả các ngân hàng và các hãng không còn khả năng tồn tại tuyên bố phá sản, hoặc cứu họ để các nước công nghiệp phát triển trên thế giới không rơi vào trạng thái hỗn loạn. Họ đã chọn phương án 2 mặc dù Thủ tướng Đức Angiê-la Macken và những người ủng hộ bà tỏ ý nghi ngờ giải pháp này. Kết quả là, các nước trên thế giới tung ra các gói cứu trợ chống khủng hoảng lên tới khoảng 60 ngàn tỷ USD vào giữa năm 2009!

Đúng như dự báo của Thủ tướng Đức Angiê-la Macken, vào giữa năm 2009, thế giới chuyển sang giai đoạn 2 của cuộc khủng hoảng: tháng 10/2009, Hy Lạp rơi vào vòng xoáy nợ công, mở đầu cuộc khủng hoảng tài chính mang tính hệ thống trong khu vực sử dụng đồng tiền chung Châu Âu. Sau Hy Lạp, đến Tây Ban Nha, Italia, Bồ Đào Nha và không loại trừ khả năng sẽ có nhiều quốc gia khác không tránh được “nanh vuốt” cuộc khủng hoảng này. Kinh tế Mỹ bắt đầu đi vào giai đoạn tăng trưởng chậm, còn kinh tế nhiều nước thành viên EU lâm vào tình trạng đình đốn, kéo theo sự phản kháng của phong trào “Đánh chiếm Phố Wall” bắt đầu từ Mỹ và đã lan tỏa tới gần 100 quốc gia.

## **2. Xuất phát từ mô hình kinh tế của chủ nghĩa tư bản**

Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế hiện nay làm tiêu tan quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, mô hình kinh tế thị trường tự do tư bản chủ nghĩa là phương thức tốt nhất trong các quan hệ kinh tế. Hiện nay, ở các nước phương Tây, giới nghiên cứu đang suy nghĩ lại về mô hình này. Mỹ, nước tư bản phát triển số 1 thế giới và nhiều nước phát triển cao khác đã “quốc hữu hóa” hàng loạt ngân hàng và các hãng bảo hiểm lớn đang nổi đầu nhai phá sản. Trong khi đó, các nước có nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước như Trung Quốc và các nền kinh tế mới nổi trong nhóm BRICS vẫn đứng vững trong cuộc khủng hoảng, còn nhiều nước Mỹ La-tinh đang vững tin xây dựng “chủ nghĩa xã hội của thế kỷ XXI”.

Trong bối cảnh hiện nay, ngày càng có nhiều người quan tâm đến học thuyết của Các Mác về kinh tế tư bản - học thuyết đã một thời bị không ít người lãng quên. Ê-ric Hốp-xbaw (Erick Hobsbawn) - một trong những nhà sử học nổi tiếng nhất còn sống hiện nay, đã có bài viết trên báo “Sin Permisso” (Áchentina), nhận định rằng, học thuyết của Các Mác về chủ nghĩa tư bản không chỉ trở lại như là yếu tố cổ vũ chính trị tinh thần cho phong trào cánh tả đang phát triển mạnh mẽ ở Mỹ La-tinh, mà còn giúp thế giới tìm ra giải

pháp cho cuộc khủng hoảng tài chính trên quy mô toàn cầu hiện nay, bởi Các Mác đã mô tả hoàn toàn chính xác về các quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản.

Dường như học thuyết của Các Mác đã không còn sức sống sau khi các nước xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô sụp đổ vì hệ thống này được vũ trang bằng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Nhưng giờ đây, các công trình của Các Mác đang được nhiều người nghiên cứu, trong đó không chỉ có các nhà chính trị, mà chủ yếu lại là các nhà kinh tế. Năm 2003, báo Pháp “Nouvel Observateur” dành trọn nội dung để viết về Các Mác với tiêu đề: “Các Mác - nhà tư tưởng của thiên niên kỷ thứ ba”. Sau đó 1 năm, nước Đức tiến hành bình chọn công dân Đức vĩ đại nhất trong mọi thời đại và trong các dân tộc, kết quả là đã có tới gần nửa triệu người bình chọn Các Mác, cùng với hai người nữa. Tuy nhiên, khi bình chọn “người có ảnh hưởng lớn nhất đối với thế giới đương đại” thì không ai có thể sánh được với Các Mác. Giáo sư Côpet (George Copets), một trong những doanh nhân thành đạt nhất trong thế giới đương đại, cho biết, ông thường xuyên đọc các tác phẩm của Các Mác và tìm thấy trong đó rất nhiều những tư tưởng bổ ích cho bản thân mình. Rõ ràng, thế giới ngày càng quan tâm tới học thuyết của một nhà tư tưởng vĩ đại trong thế kỷ XX. Một số chuyên gia nhận định, dường như đây là “đơn đặt hàng của lịch sử” đối với Các Mác.

Giáo sư Êric Hốpxbao không chút hoài nghi rằng, ngay trong lòng thế giới tư bản, giới nghiên cứu ngày càng quan tâm đến các công trình nghiên cứu của Các Mác. Mỗi quan tâm này trở lại, một phần, nhân dịp kỷ niệm 150 năm Tuyên ngôn Đảng Cộng sản của Các Mác. Nhưng, trên hết và quan trọng hơn là do cuộc khủng hoảng kinh tế quốc tế đầy bi kịch và đang lan tràn trên thế giới sau một quá trình toàn cầu hoá thị trường thế giới diễn ra với tốc độ cực nhanh. Các Mác đã từng dự báo chính xác nền kinh tế thế giới sẽ phát triển ra sao vào đầu thế kỷ XXI trên cơ sở phân tích kinh tế của xã hội tư bản vào thời kỳ đó. Giáo sư Êric Hốpxbao không ngạc nhiên rằng, các nhà chính trị cũng như các doanh nhân thành đạt nhất ở phương Tây, đặc biệt là những người hoạt động trong lĩnh vực tài chính toàn cầu giờ đây đang quay trở lại nghiên cứu học thuyết của Các Mác và tìm thấy trong đó lời giải thích về nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ hệ thống tài chính của thế giới đương đại. Các Mác đã từng rút ra kết luận rằng, một trong những đặc trưng không thể tách rời sự phát triển của chủ nghĩa tư bản là quá trình quốc tế hoá nền kinh tế thế giới. Nhưng quá trình quốc tế hoá kinh tế không chỉ dẫn tới sự phát triển, củng cố hệ thống chính trị và chứng tỏ phần nào sự đúng đắn của lý thuyết về tự do kinh tế, mà còn dẫn đến những cuộc xung đột xã hội gay gắt, các cuộc khủng hoảng kinh tế và làm gia tăng sự bất bình đẳng trong xã hội. Cuộc khủng hoảng hiện nay khởi phát từ Mỹ và lan sang các nước khác, đang có nguy cơ trở thành cuộc khủng hoảng lớn nhất kể từ Chiến tranh thế giới lần thứ II.

Giáo sư Êric Hốpxbao cho rằng, việc trở lại với Các Mác như là một nhà tư tưởng của phong trào cánh tả sẽ phụ thuộc vào việc chủ nghĩa tư bản khắc phục đến mức độ nào

cuộc khủng hoảng kinh tế hiện nay. Tuy nhiên, hậu quả của cuộc khủng hoảng hiện nay sẽ lớn hơn nhiều so với sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu. Cuộc khủng hoảng tài chính có thể dẫn đến sự suy thoái kinh tế ở Mỹ cho thấy sự thất bại của học thuyết về thị trường tự do phi điều tiết.

## **II. BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC KHỦNG HOẢNG CỦA CÁC NƯỚC**

Các biện pháp khắc phục khủng hoảng đã được Hội nghị thượng đỉnh lãnh đạo các nền kinh tế phát triển và các nền kinh tế mới nổi G-20 năm 2009 nghiên cứu và nhất trí, theo đó các nước cần áp dụng những quy định mới và chặt chẽ hơn nhằm ngăn ngừa nguy cơ xảy ra khủng hoảng tài chính toàn cầu, đồng thời tiếp tục duy trì các gói kích thích kinh tế, đưa nền kinh tế thế giới thoát khỏi giai đoạn suy thoái hiện nay.

Phát biểu tại cuộc họp báo sau phiên họp, Tổng thống Mỹ Barack Obama, thay mặt nước chủ nhà Hội nghị thượng đỉnh G-20 năm 2009 diễn ra tại thành phố Pittsburgh (Mỹ), cho biết, Hội nghị đã đạt được thỏa thuận khung về một loạt những cải cách mạnh mẽ nhằm nâng cao tính minh bạch cho các thị trường tài chính, thắt chặt tiêu chuẩn quản lý vốn của từng quốc gia; nhất trí về các quy định giám sát chặt chẽ hơn, nhằm quy trách nhiệm cụ thể đối với các tập đoàn tài chính quy mô lớn, giảm bớt gánh nặng đối với ngân sách quốc gia và người dân đóng thuế trong trường hợp xảy ra đổ vỡ. Đồng thời nhất trí biện pháp sẽ kiểm soát chế độ lương, thưởng của hệ thống ngân hàng, để khuyến khích hiệu quả làm ăn lâu dài, thay vì kích thích thói đầu cơ chụp giật có nguy cơ đổ vỡ cao.

Một trong những kết quả quan trọng khác là các nhà lãnh đạo tham dự Hội nghị Cấp cao G-20 đồng ý phê chuẩn đề G-20 trở thành một diễn đàn kinh tế thường trực, có vai trò điều phối hoạt động của nền kinh tế toàn cầu. Năm 2011, G-20 chính thức thay thế vai trò của Nhóm 8 nước công nghiệp phát triển (G-8) đối với nền kinh tế toàn cầu.

Các nhà lãnh đạo G-20 cũng thông báo đạt được thỏa thuận tăng cường thêm ít nhất 5% quyền bỏ phiếu trong Quỹ tiền tệ quốc tế cho những nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ và Braxin. Các nền kinh tế này cũng sẽ có tiếng nói có trọng lượng hơn trong Ngân hàng Thế giới.

Cụ thể hóa các giải pháp khắc phục khủng hoảng của G-20 thể hiện trên bốn biện pháp sau:

*Một là, chính sách tài khóa.* Hai công cụ chính của chính sách tài khóa là chi tiêu của chính phủ và hệ thống thuế. Những thay đổi về mức độ và thành phần của thuế và chi tiêu của chính phủ có thể ảnh hưởng đến các biến số của nền kinh tế như tổng cầu và mức độ hoạt động kinh tế; kiểu phân bổ nguồn lực; phân phối thu nhập. Chính sách tài khóa liên quan đến tác động tổng thể của ngân sách đối với hoạt động kinh tế.

*Hai là, chính sách tiền tệ.* Chính sách tiền tệ chặt chẽ nhưng linh hoạt, thận trọng theo cơ chế thị trường (không áp dụng các giải pháp sốc). Sử dụng hiệu quả các công cụ tiền tệ với việc điều chỉnh linh hoạt theo diễn biến của thị trường như tỷ giá, lãi suất, hạn mức tín dụng. Xử lý nợ xấu của các ngân hàng thương mại, bảo đảm các khoản nợ này ở mức an toàn. Rà soát và kiểm soát chặt chẽ các khoản vay kinh doanh bất động sản và chứng khoán. Bên cạnh đổi mới và cơ cấu lại hệ thống ngân hàng, cần đổi mới quản trị nội bộ ngân hàng nhằm lành mạnh hoá hệ thống này tránh tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới. Các công cụ của chính sách tiền tệ như chính sách lãi suất tái chiết khấu, chính sách dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở và hạn mức tín dụng v.v. có tác động nhanh chóng trong việc kiểm soát lượng tiền cung ứng, từ đó tác động đến lạm phát. Vì vậy, chính phủ các nước thường sử dụng tối đa các công cụ của chính sách tiền tệ nhằm kiểm soát lạm phát về ngắn hạn. Nhưng nếu chỉ có chính sách tiền tệ, lạm phát khó có thể được kiểm soát về dài hạn, đặc biệt đối với các nước lạm phát cơ cấu như Việt Nam. Vì vậy, các nhà hoạch định chính sách vĩ mô phải kết hợp nhịp nhàng hoạt động hai chính sách này để vừa giải quyết được các mục tiêu trước mắt, vừa kiểm soát được lạm phát về lâu dài.

*Ba là, cải cách thủ tục hành chính.* Cải cách và tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục hành chính là giải pháp quan trọng được áp dụng ở tất cả các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

*Bốn là, thu chi ngân sách.* Thực hiện các chính sách chặt chẽ về chi tiêu của các Chính phủ và đầu tư khu vực công nhằm tránh xảy ra nguy cơ thâm hụt ngân sách. Việc thắt chặt chi tiêu chính phủ và chuyển các khoản đầu tư công sang cho khu vực tư nhân sẽ góp phần vào việc giảm thuế cho khu vực doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân. Các doanh nghiệp sẽ có thêm được nguồn vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh và thị trường. Đẩy mạnh đầu tư cho các dự án cơ sở hạ tầng, hạ tầng kỹ thuật lớn, quan trọng mà trong các thời điểm trước đây chưa có điều kiện đầu tư thì nay đầu tư để kích thích kinh tế phát triển.

Có thể thấy rằng, không có một công thức cụ thể cho một gói kích cầu áp dụng với tất cả các nước trên thế giới, mà các nước tùy theo hoàn cảnh của mình thực hiện các gói kích cầu khác nhau. Đối với một số nước như Mỹ và EU thì gói kích cầu được hiểu là gói kích thích kinh tế sử dụng các biện pháp tài khóa (bao gồm tăng chi tiêu của Chính Phủ và cắt giảm thuế) là do thông thường khi nền kinh tế gặp khó khăn, các nước này thường hay sử dụng công cụ kinh tế là chính sách tiền tệ (điều chỉnh lãi suất cho vay, thực hiện nghiệp vụ thị trường mở), và chỉ cân nhắc sử dụng chính sách tài khóa khi chính sách tiền tệ dường như không có tác dụng, hoặc không thực hiện được. Nhưng đối với một số nước khác thì gói kích cầu lại được thực hiện đồng thời cùng với chính sách tiền tệ như là một chính sách khác.

### **III. TÁC ĐỘNG TỚI CỤC DIỆN CHÍNH TRỊ - QUÂN SỰ QUỐC TẾ**

#### **1. Vị thế siêu cường số 1 thế giới của Mỹ bị lung lay**

Vị thế siêu cường số 1 thế giới của Mỹ dựa trên 3 trụ cột: một là vị thế độc quyền của đồng USD; hai là mô hình kinh tế thị trường tự do; ba là sức mạnh quân sự. Như vậy, cuộc khủng hoảng hiện nay đã làm lung lay cả 3 trụ cột sức mạnh của Mỹ, trong đó sự lung lay trụ cột thứ 3 là hậu quả của trụ cột 1 và 2.

Từ khi kết thúc Chiến tranh Thế giới thứ II đến nay, đồng USD đóng vai trò là đồng tiền duy nhất dùng chung ở các nước. Điều này đã tạo cho người Mỹ vị thế thuận lợi nhất trên thế giới. Nội tệ của nước Mỹ được các ngân hàng quốc gia trên thế giới đánh giá cao. Hầu hết các nước đều dự trữ đồng USD. Thanh toán quốc tế cũng được tính bằng USD. Sức mạnh của loại giấy bạc này cùng với sức mạnh của nền kinh tế Mỹ là nền tảng vững chắc củng cố quyền bá chủ toàn cầu của Mỹ trên chính trường cũng như trong nhiều lĩnh vực khác.

Những năm gần đây, đặc biệt là từ năm 2002, thời thế đã có dấu hiệu thay đổi. Sức mạnh của đồng USD và của nền kinh tế Mỹ trên thế giới đang suy giảm. Trước năm 2002, 1 đồng euro đổi được 0,86 USD. Đến năm 2007, 1 euro đổi được 1,460 USD. Ngoài ra, so sánh với 6 đơn vị tiền tệ thương mại quan trọng khác, giá trị đồng USD đạt mức thấp nhất trong 35 năm trở lại đây (tính đến cuối năm 2007). Theo nghiên cứu của Công ty tư vấn toàn cầu “McKinsey Global”, thâm hụt tài khoản vãng lai của Mỹ tăng từ 5% lên 6%, rồi 9% GDP, tương đương với 1.600 tỉ USD đến năm 2012. Hệ quả là nợ nước ngoài của Mỹ sẽ lớn, chiếm tới 46% GDP.

Theo công bố của Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED), Mỹ là con nợ lớn của các ngân hàng nước ngoài. Do chi phí lớn cho cuộc chiến tranh ở Afganistan, ở Iraq và thiệt hại nặng nề do thiên tai, Bộ Tài chính Mỹ và các cơ quan chính phủ Mỹ đã phải bán ra một số lượng lớn trái phiếu kho bạc và cổ phiếu trên thị trường quốc tế.

Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu chính sách và kinh tế tại Oasinhton, ông Đin Bắccơ nhận xét: “Ngành ngân hàng Mỹ đang trong giai đoạn khủng hoảng và sẽ có ít quốc gia đến Niu Oóc để làm ăn hơn trước đây. Trong thời gian tới, Mỹ sẽ khó có thể thúc đẩy hoạt động thương mại tự do như Mỹ từng ủng hộ trong hơn vài thập niên qua. Trong trường hợp xảy ra một cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng ở nước ngoài, Mỹ cũng khó trở thành nước cho vay cuối cùng như họ đã từng làm trong cuộc khủng hoảng tiền tệ tại châu Á năm 1997-1998, bởi hiện Mỹ đang phải đối mặt rất nhiều khó khăn ở trong nước”.

Tương tự, Quốc hội Mỹ cũng đang tính toán giảm bớt mức thâm hụt ngân sách quốc gia tăng vọt thông qua cắt giảm các chương trình truyền thống như viện trợ nước ngoài được Oasinhton sử dụng như một công cụ để gây ảnh hưởng đến cách thức ứng xử của các

quốc gia khác. Kết quả cuộc thăm dò do Trung tâm nghiên cứu PEW mới công bố cho thấy, có sự sụt giảm mạnh về tỷ lệ ủng hộ chính sách đối ngoại của Mỹ so với 4 năm trước đây. Theo đó, 45% số người được hỏi cho rằng, giảm bớt các cam kết quân sự của Mỹ ở nước ngoài là cần thiết đối với chính quyền mới (tăng 10% so với mức 35% trong năm 2004).

Phát biểu tại diễn đàn phát triển Nga - Đức ở Xanh Pêtéc-bua, Tổng thống Nga Đ.Metvêđép từng nói: "Kỷ nguyên thống trị kinh tế toàn cầu của Mỹ đã chấm dứt và ngày nay thế giới cần một hệ thống tài chính mới công bằng hơn. Thời gian thống trị của một nền kinh tế và một đồng tiền đã lùi vào dĩ vãng. Chúng ta cần hợp tác để tiến tới xây dựng một hệ thống kinh tế - tài chính mới công bằng hơn trên thế giới dựa trên những nguyên tắc đa cực, luật pháp và có tính đến các lợi ích chung".

Hiện nay nhiều nước đã và đang muốn rút khỏi hệ thống kinh tế sử dụng đồng USD như Iran, Libi thời Cadaphi, Xiri, Vê-nêđuêla, CHDCND Triều Tiên v.v. Những nước này do vị thế yếu kém cả kinh tế lẫn quân sự nên bị Oasinhton liệt vào danh sách “trục ma quỷ”. Ngoài ra, còn có các nước Nga, Trung Quốc, Ấn Độ và nhiều nước khác quyết định sử dụng đồng tiền quốc gia để thanh toán các hợp đồng kinh tế giữa các nước.

Trên thực tế, nhiều nước không chỉ từ bỏ cơ chế thanh toán các hợp đồng mua bán dầu mỏ bằng đồng USD mà còn từng bước chia tay với vai trò của đồng USD như là một đồng tiền duy nhất có khả năng chuyển đổi trên phạm vi toàn cầu. Trung Quốc được coi là quốc gia đi đầu theo xu hướng này theo một kế hoạch dài hạn được gọi là Chiến lược quốc tế hoá đồng Nhân dân tệ (NDT). Năm 2012, Trung Quốc và Nhật Bản thống nhất đưa ra một quyết định có ý nghĩa lịch sử: từ nay các hợp đồng kinh tế giữa Nhật Bản và Trung Quốc sẽ được thanh toán trực tiếp bằng đồng NDT và đồng Yên mà không cần thông qua vai trò trung gian của đồng USD, mở đầu quá trình quốc tế hoá đồng NDT.

Quyết định này của Trung Quốc và Nhật Bản không chỉ sẽ thúc đẩy sự hợp tác kinh tế có hiệu quả hơn giữa hai nước mà còn góp phần vào quá trình quốc tế hoá đồng NDT. Theo đó, Nhật Bản sẽ mở rộng thêm thị trường tiêu thụ công nghệ cao, còn Trung Quốc giảm được phần nào “cơn khát công nghệ hiện đại”. Theo nhận xét của tờ “Kyoto News”, đây là lần đầu tiên, đồng USD của Mỹ bị loại khỏi vai trò trung gian trong việc đưa đồng NDT ra thị trường tiền tệ quốc tế trong các hoạt động thanh toán với các ngoại tệ mạnh hàng đầu thế giới.

Biện pháp này sẽ giúp các xí nghiệp của Trung Quốc và Nhật Bản giảm được nguy cơ biến động tỷ giá trao đổi với đồng USD và giảm chi phí thanh toán theo phương thức sử dụng đồng thời 3 loại ngoại tệ mạnh, nâng cao ảnh hưởng của đồng Yên và đồng NDT trên thị trường tiền tệ toàn cầu và kích thích các nhà đầu tư tư nhân Nhật Bản sử dụng các dịch vụ tiền tệ của Trung Quốc.

Một lợi ích rất quan trọng nữa của quyết định này là sẽ góp phần thắt chặt quan hệ đầu tư và thương mại giữa hai nền kinh tế lớn thứ 2 và thứ 3 thế giới trong các hoạt động kinh tế thực, nghĩa là sản xuất ra các sản phẩm công nghệ cao để trao đổi giữa hai nước. Tác động này có ý nghĩa chiến lược đối với Trung Quốc đang rất cần nhập khẩu công nghệ cao trong điều kiện Mỹ đang hạn chế xuất khẩu sang Trung Quốc loại hình công nghệ này.

Đây là dấu mốc quan trọng trong chiến lược quốc tế hoá đồng NDT theo 3 bước trong vòng 30 năm: láng giềng hóa, khu vực hóa và quốc tế hóa đồng NDT, nhằm mục tiêu đưa NDT trở thành đồng tiền thanh toán bên ngoài lãnh thổ Trung Quốc và là đồng tiền dự trữ quốc tế. Trong đó, 10 năm đầu, Trung Quốc sẽ đưa đồng NDT thành tiền tệ thanh toán thương mại với các nước láng giềng; 10 năm tiếp theo là tiền tệ hoá hoạt động đầu tư mang tính khu vực và 10 năm cuối sẽ trở thành tiền tệ dự trữ quốc tế tương tự như đồng USD từ trước tới nay.

Trong tiến trình thực hiện chiến lược quốc tế hoá đồng NDT, Hội nghị thượng đỉnh nhóm các nước có nền kinh tế mới nổi BRICS (gồm Brin, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi), diễn ra vào cuối tháng 3/2012 là dấu mốc quan trọng trong quá trình quốc tế hoá đồng NDT. Tại Hội nghị này, lần đầu tiên các nước BRICS đặt vấn đề tái cấu trúc hệ thống tài chính quốc tế và đa dạng hóa đồng tiền giao dịch thương mại nội khối. Như vậy, Hội nghị BRICS năm 2012 đánh dấu bước tiến mới của Trung Quốc trong chiến lược quốc tế hóa NDT.

Trước khi diễn ra Hội nghị BRICS 2012, Chính phủ Trung Quốc tuyên bố sẽ áp dụng một biện pháp quan trọng nhằm tăng cường sử dụng đồng NDT trong việc thanh toán thương mại toàn cầu bằng cách cung cấp ngày càng nhiều các khoản vay bằng đồng NDT cho các nước BRICS thông qua Ngân hàng phát triển Trung Quốc CDB (China Development Bank). Bắc Kinh cũng cho biết các nước BRICS khác cũng đang chuẩn bị các khoản vay tương tự bằng đồng nội tệ của họ qua Ngân hàng phát triển mỗi nước để cung cấp tín dụng cho các thành viên khác, nhưng các thỏa thuận cho vay đó sẽ được cung cấp bằng đồng NDT là chủ yếu.

Các nước BRICS đều cho rằng các nền kinh tế của họ và nền kinh tế toàn cầu nói chung từ trước tới nay quá lệ thuộc đồng USD nên một khi nền kinh tế Mỹ lâm vào khủng hoảng kéo theo sự bất ổn tỷ giá so với đồng USD, ảnh hưởng tiêu cực tới các nền kinh tế khác. Vì thế, các thỏa thuận đạt được tại Hội nghị BRICS năm 2012 cho thấy hệ thống tiền tệ quốc tế bắt đầu chuyển sang một hệ thống đa dạng hơn, trong đó, vị thế quốc tế của đồng NDT đã được khẳng định trong bối cảnh Trung Quốc đã trở thành nền kinh tế số 2 thế giới.

Theo dự báo của nhiều chuyên gia kinh tế, hệ thống tiền tệ quốc tế dựa trên cơ sở đồng USD được bảo đảm bằng dầu mỏ không sớm thì muộn sẽ sụp đổ và nhiều nước đang chuẩn bị hạn chế tác động tiêu cực từ sự kiện “động trời” này.

## **2. Khủng hoảng thúc đẩy hình thành trật tự thế giới mới**

Bộ trưởng Tài chính Đức Xtâybrúc cho rằng, thế giới hôm nay sẽ không còn giống thế giới trước cuộc khủng hoảng. Phố Wall ở Mỹ vốn là trung tâm của cuộc khủng hoảng cũng sẽ không còn như trước kia nữa; và Hoa Kỳ đang mất vị trí siêu cường duy nhất trong hệ thống tài chính thế giới. Trong hệ thống tài chính mới sắp tới, các ngân hàng nhà nước, ngân hàng thương mại của châu Á, Trung Đông, và một phần ngân hàng châu Âu sẽ giữ một vai trò nhất định.

Dư luận báo chí Đức cho rằng, hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính này ở Mỹ còn lớn hơn nhiều so với vụ tấn công tòa tháp đôi ở Mỹ ngày 11/9/2001, vì cuộc tấn công lần này không phải do các thế lực bên ngoài tiến hành, mà chính từ trong lòng nước Mỹ, từ sâu thẳm của hệ thống chính trị và tài chính Mỹ. Chủ nghĩa tư bản Mỹ không chịu sự kiểm soát của nhà nước, đã tự sản sinh ra những kẻ “đánh bom liều chết” vào chính hệ thống đó.

Trong lúc nền kinh tế Mỹ lâm vào khủng hoảng tài chính, trên thế giới đang xuất hiện ngày càng nhiều các nền kinh tế đầy triển vọng, trong đó đáng lưu ý nhất là Trung Quốc, Ấn độ, Nga và Braxin. Trung Quốc chắc chắn sẽ tiếp tục phát triển nhanh trong 2 thập niên tới và sẽ trở thành siêu cường về kinh tế theo cách riêng của mình. Trong khi đó, Đông Á đang trong quá trình phát triển thành một khối kinh tế và rất có thể sẽ hình thành khu vực mậu dịch tự do và một Quỹ tiền tệ châu Á. Khối kinh tế Đông Á sau khi được hình thành có thể sẽ chiếm 1/5 nền kinh tế thế giới, 20% thương mại toàn cầu và có dự trữ tiền tệ 1.500 tỉ USD, vượt xa dự trữ ngoại tệ của Mỹ. Nhóm các nước Đông Á có thể sẽ là siêu cường thứ 3 trên thế giới. Còn Nga, trong chiến lược phát triển đến năm 2020, Tổng thống Nga Đ.Métvêđép tuyên bố, sẽ xây dựng nước Nga thành một trong những trung tâm tài chính và kinh tế lớn của thế giới.

Những nền kinh tế mới nổi lên này xứng đáng trở thành các đối thủ cạnh tranh tầm cỡ thế giới trong nhiều lĩnh vực. Các đối thủ cạnh tranh mới này thể hiện họ là những thị trường hấp dẫn cho các hàng hoá xuất khẩu và các nguồn đầu tư của Mỹ. Họ còn là các nhà cung cấp sản phẩm chất lượng cao với giá rẻ. Khi tham gia vào nền kinh tế thế giới một cách thích hợp, các nền kinh tế này sẽ đạt được thành công, đóng góp vào tăng trưởng của nền kinh tế thế giới. Các trung tâm và các nền kinh tế mới nổi lên có thể biến trật tự kinh tế đơn cực trong hơn nửa thế kỷ qua thành trật tự đa cực và thách thức vị thế của Mỹ. Trong tình thế đó, Mỹ sẽ phụ thuộc nhiều vào mối quan hệ vững chắc với cả châu Âu và châu Á vừa để phát huy lợi thế của bản thân, vừa để củng cố vị trí của Mỹ như là một nhân tố không thể thiếu trong trật tự kinh tế thế giới đa phương mới.

Trật tự kinh tế thế giới mới, trong đó vai trò và vị thế kinh tế siêu cường duy nhất của Mỹ ngày càng suy giảm, sẽ tác động mạnh mẽ tới quá trình hình thành trật tự thế giới mới đa cực, trong đó Mỹ không thể đơn phương hành động về chính trị và quân sự. Giới phân tích cảnh báo, cuộc khủng hoảng tài chính hiện nay có thể sẽ đẩy nhanh quá trình suy giảm

sức mạnh và ảnh hưởng của Mỹ ở nước ngoài. Không phải ngẫu nhiên mà Phó giám đốc Cục tình báo quốc gia Mỹ Thômat Phinhgơ đã cảnh báo, Oasinhton tuy sẽ vẫn tạm thời duy trì vị thế cường quốc số một đến năm 2025, nhưng sự thống trị của Mỹ sẽ suy giảm mạnh. Sự sụt giảm này thể hiện trên mọi khía cạnh từ chính trị, kinh tế và văn hoá.

Nhiều chuyên gia phân tích cho rằng, nếu cách đây gần 20 năm, khi Liên Xô sụp đổ, người ta cho rằng nước Mỹ không có đối thủ, nước Mỹ sẽ giành “chiến thắng mà không cần chiến tranh”, nước Mỹ “sẽ kiểm soát thế giới”, thì lúc này lại là thời điểm thích hợp nhất để các đối thủ của Mỹ làm điều đó, bởi Oasinhton đang trong tình trạng dễ bị tổn thương nhất. Tuy nhiên, không ai có ý định làm điều đó với Mỹ, bởi thế giới hôm nay là một chỉnh thể của các quốc gia sống phụ thuộc vào nhau. An ninh của từng quốc gia cũng là an ninh chung của toàn thế giới và của mọi quốc gia. Đó là tư duy mới về một trật tự thế giới mà cựu Tổng thống Nga V.Putin đã từng tuyên bố trong bài phát biểu gây nhiều ấn tượng của ông tại Hội nghị an ninh quốc tế ở Munich hồi tháng 5/2007.

Trong bài phát biểu bế mạc Hội nghị G-20 năm 2008, Tổng thống G.Busơ nói: "Chúng ta đang làm cho hệ thống tài chính của mình thích ứng với thế giới trong thế kỷ XXI". Cũng tại Hội nghị này, Tổng thống Nga Đ.Métvêđép tuyên bố: “Cơ cấu tài chính toàn cầu được thiết lập từ cuối Chiến tranh thế giới lần thứ II hiện đã lỗi thời. Cần phải xây dựng và tái cấu trúc tài chính quốc tế, đảm bảo cho hệ thống đó hoạt động công bằng, hữu hiệu và hợp pháp". Ông Đ.Métvêđép đề nghị thành lập một ủy ban quốc tế chuyên nghiên cứu, soạn thảo các biện pháp để tái cơ cấu hệ thống tài chính quốc tế. Đó là nhóm các chuyên gia kinh tế và tài chính hàng đầu thế giới, có uy tín và hoạt động độc lập. Ông cũng đề nghị có các biện pháp trợ giúp các nước nghèo nhất thế giới thông qua Quỹ Tiền tệ Quốc tế và các tổ chức tài chính khu vực. Tổng thống Đ.Métvêđép còn đề nghị xem xét lại vai trò của Quỹ tiền tệ quốc tế và thành lập một số trung tâm tài chính thế giới, trong đó có trung tâm tài chính sẽ được thành lập ở Mátxcova.

Nguyên thủ các quốc gia tham dự Hội nghị G-20 năm 2008 đã ủng hộ “Kế hoạch hành động nhanh”, nhằm đối phó với cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, thống nhất quan điểm về việc cần phải có các biện pháp thúc đẩy tăng trưởng, có các quy định phù hợp đối với thị trường tài chính với sự tham gia ngày càng lớn và quan trọng của những nền kinh tế mới nổi lên. Nhiều nguyên thủ quốc gia trong Nhóm G-7 cũng phải công nhận rằng, thiếu vai trò của các nền kinh tế mới nổi, không thể khắc phục được cuộc khủng hoảng tài chính hiện nay. Thủ tướng Anh Gôđon Brao (Gordon Brown) tuyên bố, thỏa thuận mà các bên đạt được là “có ý nghĩa lịch sử”. Còn Tổng thống G.Busơ nói: “Từ nay, bộ trưởng tài chính các nước sẽ cùng phối hợp soạn thảo các đề xuất cải tổ hệ thống tài chính toàn cầu”. Như vậy, Hội nghị Thượng đỉnh G-20 đã chứng tỏ, từ nay những nền kinh tế đang nổi lên sẽ có vai trò lớn hơn trong việc quản lý kinh tế toàn cầu. Tổng thống Braxin, ông Luit Inacio Lula da Sinva, cũng tuyên bố: "Lúc này, thế giới phải nói về G-20, vì G-8 đã không còn lý do để tồn tại nữa".

Rõ ràng, dù thế nào đi nữa, trật tự kinh tế thế giới trong những năm tới sẽ khác so với trật tự đã từng hình thành trong mấy thập kỷ qua. Hệ quả là trật tự thế giới nói chung cũng sẽ khác trước. Trong bài phát biểu vận động tranh cử ngày 3/11/2008, một ngày trước khi diễn ra cuộc bầu cử, Thượng nghị sỹ Barack Obama nói: “Bài học lớn nhất có thể rút ra được từ tình hình của nước Mỹ chúng ta vừa qua là từ nhà tài chính, nhà quản lý, nhà tỉ phú đến người công nhân Mỹ đều phụ thuộc nhau. Sự thịnh vượng của người này cũng là sự thịnh vượng của người khác”. Suy rộng triết lý này ra thế giới, có thể thấy, một hiện tượng tương tự: ngày nay tất cả các quốc gia trên toàn cầu đều phụ thuộc lẫn nhau, an ninh và sự thịnh vượng của quốc gia này cũng là an ninh và thịnh vượng của quốc gia khác. Có lẽ, đó là những nét chấm phá đầu tiên cho trật tự thế giới mới công bằng hơn, bình đẳng hơn, dân chủ hơn ... được gợi ý từ Hội nghị G-20 ở Oasinhton năm 2008.

Như vậy, cuộc khủng hoảng hiện nay ở Mỹ đã góp thêm một tiếng nói có trọng lượng để khẳng định rằng, trật tự thế giới đơn cực đang đặt dấu chấm hết, và một trật tự thế giới mới công bằng, dân chủ, bình đẳng hơn, trong đó, các quốc gia sẽ có được tiếng nói của mình và có quyền hưởng lợi ích chính đáng của mình, đang hình thành. Xu hướng này đã được dự báo trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI.

### **3. EU trước nguy cơ tan rã**

Sau hơn 2 năm “vật lộn” với cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế, vào cuối năm 2012, cả bên trong và bên ngoài Liên minh Châu Âu (EU) không còn ai nghi ngờ về cuộc khủng hoảng sẽ chưa sớm kết thúc. Thậm chí, lãnh đạo nhiều nước thành viên EU nhận thấy đã tới lúc phải thay đổi EU một cách căn bản.

Ý tưởng về việc cần phải thay đổi EU một cách căn bản và thành lập một liên minh mới đã từng được ông Giôze Manuen Baraxô (Jose Manuel Barroso), Chủ tịch Ủy ban châu Âu đề xuất sau những trăn trở khi các biện pháp giải cứu khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu Eurozone không thành công.

Theo ông Giôze Manuen Baraxô, cần phải xây dựng một tổ chức mới trên cơ sở EU hiện nay nhằm mục đích chủ yếu là ngăn chặn cuộc khủng hoảng ngân sách trong tương lai ở khu vực Eurozone và bảo đảm cho EU phát triển ổn định và hướng tới thịnh vượng chung. Ông từng tuyên bố: "Sắp tới đây chúng ta sẽ công bố một chương trình đầy tham vọng, bao gồm trong đó các bước nhằm bảo đảm sự ổn định về ngân sách của EU thông qua các nỗ lực tập thể và áp dụng quy luật cạnh tranh". Ông Giôze Manuen Baraxô giải thích thêm: “Liên minh mới sẽ tính đến lợi ích của tất cả các nước tham gia Eurozone chứ không phải những nước EU đang dùng đồng tiền riêng như Anh chẳng hạn. Ngoài ra, Ủy ban châu Âu sẽ xây dựng một liên minh ngân hàng đầy đủ, trước hết sử dụng cho khu vực Eurozone”.

Ông Giôze Manuen Baraxô không phải là người đầu tiên nói về việc tổ chức lại EU. Từ tháng 11/2011, Thủ tướng Đức, bà Angiêla Mecken, cũng đã từng tuyên bố về việc cần

phải xây dựng một liên minh mới. Trong tuyên bố đưa ra hồi đó, bà Angiêla Mecken nhấn mạnh: "Chúng ta không chỉ thảo luận về khả năng thành lập liên minh ngân sách mà đang thực hiện quá trình đó. Đây là một liên minh ngân sách có các quy định và các quy tắc rõ ràng, nghiêm minh trong khu vực Eurozone. Việc phát hành trái phiếu thống nhất đã không có khả năng chặn đứng cuộc khủng hoảng nợ ở Eurozone. Vì thế chúng ta cần phải có một liên minh mới ổn định và tăng cường kiểm soát về ngân sách cũng như kiểm soát mức nợ công".

Từ đó, có thể thấy rằng ngay cả những chính khách hàng đầu và có ảnh hưởng lớn ở EU cũng không còn tin vào sự tồn tại lâu dài của Eurozone EU theo hình thức hiện nay bởi bên trong tổ chức này đang diễn ra cuộc khủng hoảng sâu sắc, buộc phải thay đổi căn bản.

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng EU nói chung và Eurozone nói riêng, nhưng nguyên nhân chủ yếu là Châu Âu và môi trường chiến lược xung quanh đang trải qua những biến đổi mang tính thời đại, có thể so sánh về quy mô và cường độ với những biến đổi liên quan đến quá trình kết thúc Chiến tranh lạnh. Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế ở châu Âu là phép thử đối với độ bền vững của mô hình quốc gia - liên minh dưới dạng EU, trong đó có lĩnh vực đối ngoại, quốc phòng, khả năng kinh tế và chính trị của nhiều quốc gia - dân tộc.

Trong khi đó, Mỹ vốn là yếu tố chủ yếu đảm bảo an ninh cho các nước châu Âu, đã từng là đối tác và đồng minh của châu Âu trong NATO trong hơn 60 năm qua, đang phải ra sức đối phó với cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế trong nước, phải cắt giảm ngân sách quân sự và điều chỉnh lại chính sách đối ngoại và quốc phòng. Mỹ đang rút khỏi châu Âu và hướng về Châu Á - Thái Bình Dương. Một EU đang bị suy yếu và bị chia rẽ mới nhận thấy hết được tình cảnh không được bảo vệ.

Nhiều chuyên gia nhận định, nhìn chung, không riêng gì EU mà toàn bộ thế giới tư bản hiện nay đang phải trải qua giai đoạn phát triển phức tạp nhất, kịch tính nhất, kể từ thời Chiến tranh lạnh, được thể hiện ở cả cấp độ môi trường địa - chính trị toàn cầu cũng như môi trường bên trong EU.

Trên bình diện địa - chính trị toàn cầu, EU đang bị tác động bởi hai yếu tố là cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế bùng phát ở Mỹ và việc Mỹ tập trung chuyển trọng tâm chiến lược từ Đại Tây Dương sang Thái Bình Dương. Đây là sự chuyển hướng chiến lược căn bản của Mỹ kể từ thời Chiến tranh lạnh. Do đó, hiện nay và trong tương lai, Mỹ không còn tập trung chú ý nhiều tới nền kinh tế và an ninh của EU vì đang phải tập hợp lại lực lượng ở những hướng khác, trước hết là khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Minh chứng rõ nhất là, tuy EU và NATO trên thực tế là “con đẻ” của Mỹ, nhưng trong cuộc khủng hoảng hiện nay mà Eurozone đang phải trải qua, Washington tuyên bố rõ ràng và dứt khoát là EU “phải tự cứu lấy mình”. Chưa hết, tại Hội nghị thượng đỉnh NATO năm 2012 tại

Chicagô (Mỹ), Washington còn yêu cầu các thành viên NATO ở châu Âu phải tăng chi phí quân sự, chứ không thể dựa vào ô an ninh của Mỹ mãi được.

Tình hình này buộc các nước EU phải nghiên cứu xây dựng mô hình an ninh mới cho bản thân mình trong bối cảnh các biến động chính trị ở Bắc Phi và Trung Đông làm nổi lên các nguy cơ an ninh mới đe dọa hòa bình và ổn định của chính các nước châu Âu - nơi cách không xa các “lò lửa” bên kia bờ Địa Trung Hải. Ngoài ra, còn phải kể đến tình hình khủng hoảng an ninh ngay trong lòng các nước châu Âu như khủng bố, buôn lậu ma túy, di dân bất hợp pháp, an ninh năng lượng, dịch bệnh v.v.

Do khủng hoảng tài chính - kinh tế, các nước thành viên EU đã không thể xây dựng được chính sách thuế và ngân sách có hiệu quả và hiện đang đứng trước nguy cơ một số nước thành viên phải ra khỏi Eurozone.

Vì thế, lúc này, các chính khách ở châu Âu đang phải tìm kiếm các mô hình khác về phát triển kinh tế - xã hội ở châu Âu. Tuy nhiên, vấn đề nan giải hiện nay là EU nên phát triển theo mô hình nào.

Chủ tịch Ủy ban châu Âu Giôze Manuen Baraxô đã đề xuất một mô hình liên kết mạnh nhất theo hướng xây dựng Liên bang châu Âu giống như Hợp chủng quốc châu Âu. Ông Giôze Manuen Baraxô giải thích, đó là một liên minh mạnh của các nước thành viên dựa trên nền tảng liên bang vững chắc, trong đó không chỉ có đồng tiền chung mà cả ngân sách chung, nền kinh tế tập trung và một trung tâm quản lý thống nhất.

Việc xây dựng EU thành một Nhà nước Liên bang thoát nhìn có vẻ là một ý tưởng hấp dẫn. Nhưng công dân các nước EU lại nghĩ khác. Theo kết quả nghiên cứu của các nhà xã hội học ở Đức, chỉ có một nửa người Đức và một phần ba người Pháp tin rằng sự liên kết bên trong EU có tác động tốt đến đời sống của họ. Điều này dẫn đến sự suy giảm niềm tin vào EU. Có tới 89% người Pháp và 67% người Đức cho rằng đồng tiền chung Euro ảnh hưởng tiêu cực đến giá cả trong nước họ. Như vậy, rõ ràng là trong dư luận xã hội ở các nước thành viên EU đang tồn tại những nhận thức mâu thuẫn nhau về tác dụng của sự liên kết trong EU. Rõ ràng, các công dân trong EU không có khái niệm rõ ràng về tương lai của chính họ và đây là chỉ số chứng tỏ cuộc khủng hoảng ở EU ngày càng trầm trọng. Trong điều kiện đó, ý tưởng thành lập Liên bang châu Âu là một giấc mơ tốt đẹp.

Nhiều chuyên gia phân tích ở Phương Tây lại đang xem xét tương lai của EU dưới góc độ rộng hơn. Trong đó đáng chú ý là giả thuyết của Cônxtanta Xtenxenmulo (Constanta Shteltsenmyuller), chuyên gia phân tích khoa học hàng đầu của Quỹ Marshall (Mỹ). Ông đã dự báo 3 phương án phát triển cho EU: phương án thứ nhất là sự tan rã EU. Phương án thứ hai nhằm tăng cường các quá trình liên kết trong EU và phương án thứ ba là xây dựng một EU mới.

*Phương án 1: một châu Âu bị tan rã.* Theo Cônxtanta Xtenxenmulơ, dĩ nhiên, một châu Âu bị tan rã là phương án xấu nhất. Trong trường hợp này, EU bị tan rã và bị phụ thuộc vào các thể lực địa - chính trị có ảnh hưởng trên thế giới. Lúc đó, ngay cả các nước châu Âu giàu có cũng sẽ buộc phải gửi con em mình sang học tập ở Trung Quốc và Ấn Độ. Rõ ràng, phương án này sẽ làm cho châu Âu sẽ ngày càng bị lạc hậu trong nhiều lĩnh vực. Đóng vai trò quyết định trong phương án 1 là EU sẽ không có khả năng tập trung hệ thống thuế và tài chính vào một trung tâm thống nhất và cuộc khủng hoảng kinh tế có thể tàn phá toàn bộ hạ tầng cơ sở của EU. Kết quả là, EU sẽ trở thành một khu vực bị chia rẽ về kinh tế và suy yếu về địa - chính trị. Dĩ nhiên, không quốc gia nào được lợi từ tình huống này và lãnh đạo các nước châu Âu cũng quá hiểu điều đó.

*Phương án 2: Mô hình liên kết sâu sắc.* Theo phương án này, tình hình phát triển hoàn toàn ngược lại với phương án 1, trong đó EU có thể trở thành một khu vực địa - chính trị mạnh. Tạo điều kiện để hình thành phương án này là sự phát triển mạnh mẽ các nền kinh tế của các nước thành viên dựa trên cơ sở công nghệ hiện đại. Các nước châu Âu cần phải xây dựng hệ thống giáo dục tốt nhất thế giới. Các trường đại học ở châu Âu sẽ tiếp nhận sinh viên ở nhiều nước khác nhau tới đây học tập. Một điều thú vị là theo phương án này, Anh sẽ ra khỏi EU. Tuy nhiên, EU có thể không cần Anh nhưng vẫn phát triển với tốc độ nhanh. Trong tất cả các lĩnh vực sẽ diễn ra quá trình liên kết sâu sắc giữa tất cả các nước. Nền kinh tế châu Âu sẽ khắc phục có hiệu quả tác động từ cuộc khủng hoảng và sẽ phát triển mạnh. Phương án này đối với châu Âu là lý tưởng nhất nhưng hiện nay vẫn chưa ai có thể nói một cách chắc chắn là phương án này sẽ có khả năng thực hiện.

*Phương án 3: đổi mới căn bản EU.* Phương án này dự kiến tổ chức lại và phục hưng EU sau thời kỳ suy yếu và tan rã. Phương án này có thể xảy ra sau khi các nước EU đã nhận ra sai lầm của họ. Sau khi phân tích các mặt yếu, hạn chế và khiếm khuyết trong mô hình hiện nay của EU, lãnh đạo các nước châu Âu nhận thấy rõ ràng cần phải khắc phục những sai lầm đó. Theo phương án này, các nước EU không thể để liên minh này tồn tại dưới hình thức như hiện nay bởi lúc này tình hình của EU đã quá phức tạp và nghiêm trọng, trong đó các quá trình đang diễn ra không sớm thì muộn sẽ làm EU tan rã. Do đó, cần phải ban hành đồng tiền chung mới. Tuy nhiên, việc các nước EU không có khả năng tự bảo đảm an ninh cho chính họ đang làm cho các vấn đề kinh tế - xã hội trở nên trầm trọng hơn bao giờ hết.

Theo Cônxtanta Xtenxenmulơ, mặc dù EU đang suy yếu và có thể tan rã nhưng nó vẫn có thể đổi mới trên cơ sở một hệ thống dân chủ hơn. Phương án 3 này cũng không loại trừ khả năng Anh phải ra khỏi EU và một châu Âu đổi mới sẽ mở rộng ảnh hưởng của mình. Theo phương án này, đến năm 2020, EU sẽ trở thành một tổ chức mạnh không cần sự ủng hộ của Mỹ cả về chính trị, kinh tế và quân sự.

Cônxtanta Xtenxenmulơ cho rằng, có thể còn có những phương án khác nhưng một điều đã quá rõ ràng là cần phải thay đổi và thay đổi càng sớm càng tốt. Do đó rất có thể sắp tới đây lãnh đạo các nước châu Âu sẽ đề xuất một mô hình nào đó để tiếp tục phát triển liên minh này.

Hiện nay không ai có thể trả lời được câu hỏi này. Ngay cả những người đang xây dựng các phương án khác nhau đều công nhận rằng các phương án hay mô hình cũng chỉ là trên phương diện lý thuyết, còn phương án nào là thực tế nhất chỉ có thời gian mới có thể trả lời được. Một điều chắc chắn là, các nước phương Tây hiện nay đều thống nhất nhận thức rằng với cấu trúc hiện tại thì EU không thể tồn tại lâu dài. Cuộc khủng hoảng đang đưa EU tới nguy cơ tan rã và do đó đổi mới tổ chức là yêu cầu bức thiết.

Tuy nhiên, chưa ai có thể đưa ra được dự báo về triển vọng lâu dài cho EU. Các quá trình địa - chính trị đang diễn ra tại khu vực gần với châu Âu đang làm cho các nước phương Tây lo ngại. Rất có thể, có nhiều vấn đề khó có thể giải quyết được trong bức tranh địa - chính trị toàn cầu đang thay đổi. Trong khi đó, có nhiều nước đang phát triển lại tiến nhanh tới mức kinh ngạc và có thể trở thành những trung tâm quyền lực mới trên thế giới.

Theo nhận xét của Cônxtanta Xtenxenmulơ, trong nhiều thế kỷ, phương Tây đã từng đóng vai trò dẫn đầu sự phát triển của nền văn minh nhân loại, còn hiện nay tình hình đang diễn ra trên thế giới đối với họ là một cơn ác mộng. Rõ ràng, trong bối cảnh đó thì sự lựa chọn con đường phát triển của châu Âu là một sự lựa chọn đầy khó khăn, đau đớn và thách thức, nhưng không thể không làm. Thậm chí, cần phải làm ngay trước khi quá muộn.

#### **4. Khủng hoảng thúc đẩy hình thành mô hình kinh tế mới**

Một đặc điểm khác thường của cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính hiện nay là trong khi Mỹ và các nước công nghiệp phát triển ở Phương Tây khác lâm vào suy thoái thì các nước thuộc nhóm BRICS (Braxin, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Cộng hòa Nam Phi) vẫn duy trì nhịp độ tăng trưởng và trở thành đầu tàu của sự phát triển kinh tế thế giới.

Nhiều chuyên gia kinh tế cho rằng, sở dĩ các nước BRICS không bị “ngã gục” và vẫn duy trì nhịp động tăng trưởng trong cuộc khủng hoảng vừa qua là do họ phát triển kinh tế theo mô hình kết hợp cơ chế thị trường với vai trò điều tiết của nhà nước thông qua kế hoạch. Mô hình này chứng tỏ khả năng “miễn dịch” trong điều kiện khủng hoảng hiện nay.

Trong thế kỷ XX, trên thế giới từng có 3 mô hình phát triển kinh tế chủ yếu.

*Một là*, mô hình kinh tế “giả thị trường” quân phiệt hoá ở Đức, Nhật Bản, I-ta-li-a, Tây Ban Nha và một số nước khác. Mô hình này đã bị sụp đổ hoàn toàn sau Chiến tranh Thế giới lần thứ II.

*Hai là*, mô hình kinh tế thị trường Cây-nơ (Keynes) kích thích tiêu dùng thông qua vai trò của nhà nước ở Mỹ và nhiều nước khác ở Phương Tây. Mô hình này được phát

triển đầu tiên ở Mỹ và sau đó được áp dụng ở nhiều nước khác sau Chiến tranh Thế giới thứ II và tồn tại cho đến làn sóng suy thoái mới trong chu kỳ tích lũy tư bản thứ V, bắt đầu từ năm 1970. Từ những năm 1970, mô hình kinh tế thị trường Cây-nơ chuyển hoá thành mô hình kinh tế thị trường tự do mới nhờ sự điều chỉnh linh hoạt và thích nghi ở mức độ cao. Mô hình kinh tế thị trường tự do đã tạo ra thế hệ công nghệ thứ 5 dựa trên cơ sở công nghệ vi mạch, máy tính điện tử, mạng Internet, điện thoại di động, cho phép Mỹ và các nước Phương Tây khác đưa nền kinh tế của họ từ trạng thái suy thoái thấp sang trạng thái phát triển, bảo đảm sự phát triển của nền kinh tế thị trường ở các nước Phương Tây.

*Ba là*, mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung được phát triển ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Mô hình này chỉ tồn tại đến cuối những năm 1980. Trong khi nền kinh tế Mỹ và các nước Phương Tây sau khi hình thành thế hệ công nghệ thứ 5 đã chuyển sang làn sóng tăng trưởng thì nền kinh tế theo mô hình Liên Xô kém linh hoạt và năng động do kế hoạch hóa tập trung và quan liêu cứng nhắc đã không thể tạo ra thế hệ công nghệ thứ 5.

Ở đây cần lưu ý một hiện tượng lịch sử thú vị là thế hệ công nghệ thứ 4 dựa trên động cơ đốt trong và sản xuất dây chuyền được hình thành trong quá trình Chiến tranh Thế giới thứ Nhất, đạt đến đỉnh cao phát triển trong những năm 1920-1930. Cũng trong giai đoạn đó, quá trình công nghiệp hoá ở Liên Xô trong những kế hoạch 5 năm đầu đã hình thành nên thế hệ công nghệ thứ 4 tương tự như ở các nước công nghiệp phát triển ở Phương Tây khác. Đây là yếu tố vật chất rất quan trọng và có ý nghĩa quyết định tạo nên sức mạnh cho Liên Xô giành chiến thắng trong Chiến tranh Thế giới lần thứ II, sau đó đạt được những thành tựu vĩ đại như chế tạo vũ khí hạt nhân và đưa con người lên chinh phục vũ trụ. Tuy nhiên, về sau, do thiếu nhạy bén và kém năng động, Liên Xô đã không theo kịp tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đã không tạo ra được thế hệ công nghệ thứ 5 và đây là một trong những yếu tố quyết định khiến Liên Xô thất bại trong cuộc chạy đua “cùng tồn tại hòa bình” và cạnh tranh kinh tế với mô hình kinh tế thị trường tự do mới của Mỹ và các nước Phương Tây.

Hiện nay trên thế giới đang tồn tại 3 mô hình phát triển kinh tế.

*Một là*, mô hình kinh tế thị trường tự do mới ở Mỹ và một số nước công nghiệp phát triển. Mô hình này đã chứng tỏ những hạn chế và bất lực trong cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính bùng phát từ Mỹ năm 2007 và lan tỏa ra trên phạm vi toàn cầu. Sau khi bùng phát khủng hoảng từ năm 2007, Mỹ và các nước phát triển cao khác đi theo mô hình này đang tiến hành các điều chỉnh để thích nghi với những thay đổi và biến động mới trên thế giới. Ngày 21-07-2010, Tổng thống Mỹ Barack Obama ký ban hành Luật tái cơ cấu Phố Wall và bảo vệ người tiêu dùng (Wall Street Reform and Consumer Protection Act). Đây là chương trình cải cách toàn bộ hệ thống ngân hàng và tài chính của Mỹ.

*Hai là*, mô hình kinh tế thị trường kết hợp với kế hoạch hóa của các nước BRICS, trước hết là Trung Quốc, và một số nước Mỹ La-tinh, trong đó nhà nước đóng vai trò kiểm soát và điều chỉnh. Mô hình này đã chứng tỏ nhiều ưu thế. Bằng chứng là, trong suốt nhiều năm, Trung Quốc đạt tốc độ tăng trưởng GDP cao kỷ lục, vào khoảng 9,6%/năm và vẫn tiếp tục giữ ở mức cao ngay cả trong điều kiện khủng hoảng kinh tế thế giới. Để so sánh có thể thấy, thời kỳ đầu quá trình công nghiệp hoá ở Anh kéo dài hơn 50 năm, ở Mỹ gần 50 năm, trong khi đó Trung Quốc hoàn thành thời kỳ đầu công nghiệp hoá chỉ trong vòng 10 năm.

*Ba là*, mô hình kinh tế dựa trên xã hội truyền thống của các nước Hồi giáo dưới tác động của yếu tố tôn giáo và quá trình toàn cầu hóa, đang từng bước thích nghi với điều kiện đặc thù ở khu vực này nhưng không mang tính phổ biến.

Theo một số chuyên gia nghiên cứu kinh tế, mô hình kinh tế thị trường kết hợp với vai trò kế hoạch hóa và điều chỉnh của nhà nước sẽ có sức sống mạnh nhất trong quá trình phát triển thời gian tới. Cách đây hơn 80 năm, nhà kinh tế Nga Cônđrachev (Kontratiev), tác giả của Chính sách kinh tế mới của V.Lênin sau Cách mạng Tháng Mười năm 1917, đã từng nhận định, kinh tế thị trường tự do không có kế hoạch hoá sẽ không thể phát triển ổn định và không thể tránh được khủng hoảng. Cônđrachev cũng đã từng dự báo, mô hình kinh tế thị trường kết hợp với kế hoạch hóa sẽ là mô hình phát triển của tương lai. Theo Cônđrachev, kinh tế thị trường không có kế hoạch hoá sẽ không thể phát triển ổn định và không thể tránh được khủng hoảng. Nhưng hiệu quả của kế hoạch rút cuộc phải được khẳng định và kiểm định bằng thị trường.

Hiện nay, các nước BRICS đang đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng chủ đề chính trị và kinh tế cho giai đoạn mới trong sự phát triển thế giới trong 30 - 40 năm tới, trong đó họ đề xuất sáng kiến nghiên cứu xây dựng hệ thống kinh tế - tài chính thế giới mới vì hệ thống hiện nay dựa chủ yếu vào đồng USD đang tỏ ra bất lực trong điều kiện khủng hoảng và sẽ khó đứng vững trong những năm tới.

Do đó, những năm tới sẽ là thời gian thử thách sự bền vững và sức sống của các mô hình phát triển kinh tế, trong đó cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính trên phạm vi toàn cầu sẽ là phép thử nghiệt ngã nhất và đúng đắn nhất.

## **5. Khủng hoảng buộc các nước phải điều chỉnh chiến lược**

Cuộc khủng hoảng hiện nay tác động tới sự điều chỉnh chiến lược của các nước, trong đó đáng chú ý nhất là nhiều nước chuyển trọng tâm chiến lược tới Châu Á - Thái Bình Dương (CA-TBD). Vì thế, năm 2012 được giới phân tích gọi là “Năm Châu Á - Thái Bình Dương”.

Sở dĩ năm 2012 được gọi là “Năm Châu Á - Thái Bình Dương” vì ngay từ đầu năm, ngày 4/1/2012, Tổng thống Mỹ Barack Obama chính thức tuyên bố Mỹ sẽ chuyển

trọng tâm chiến lược toàn cầu từ Châu Á - Đại Tây Dương tới CA - TBD. Tiếp sau tuyên bố đó là hàng loạt hành động ngoại giao và quân sự của Mỹ hướng tới các nước đồng minh và đối tác trong khu vực. Chủ trương này của Mỹ sẽ tác động trực tiếp và lâu dài tới tình hình khu vực và quốc tế, trước hết là tới chiến lược phát triển của các đồng minh và các đối tác của Mỹ cũng như các quốc gia cạnh tranh với Mỹ trong khu vực CA - TBD, và là thử thách chính trị lớn đối với khu vực này, nơi đang diễn ra đồng thời hai quá trình cạnh tranh và hợp tác đan xen, trong đó Mỹ và Trung Quốc đang tranh giành quyết liệt vai trò lãnh đạo trong khu vực.

Trong năm 2012, Diễn đàn hợp tác kinh tế khu vực CA - TBD (APEC) được tổ chức tại Vladivostok trong bối cảnh nước Nga vừa chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), có ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt không chỉ đối với nước chủ nhà mà còn đối với tất cả các nước trong khu vực này. Sau khi gia nhập WTO, nhiều cơ hội và triển vọng to lớn mở ra đối với nhiều lĩnh vực kinh tế của Nga từ các nền kinh tế rất đa dạng và ở nhiều trình độ phát triển khác nhau trong khu vực CA - TBD. APEC năm 2012 ở Vladivostok chứng tỏ, Nga đang thực hiện cuộc “hành trình sang CA - TBD” và cùng với Trung Quốc có thể làm lu mờ ảnh hưởng và vai trò của Mỹ ở khu vực này. Cũng trong năm 2012, Chính phủ Australia công bố kế hoạch chiến lược dài hạn và toàn diện mang tên "Sách trắng Australia trong Thế kỷ châu Á" nhằm đưa quốc gia này vào nhóm 10 nước giàu có nhất thế giới vào năm 2025.

Năm 2012 chứng kiến Hội nghị Cấp cao Á - Âu lần thứ 9 (ASEM-9) tổ chức thành công tại Thủ đô Viêng Chăn (Lào). Với sự tham dự của Chủ tịch Hội đồng Liên minh châu Âu Herman Van Rompuy và Chủ tịch Ủy ban châu Âu Jose Manuel Barroso, Thủ tướng Nga Dmitry Medvedev, cùng các vị nguyên thủ, người đứng đầu Chính phủ nhiều nước châu Âu, ASEM-9 là minh chứng về “cuộc hành trình” của “lục địa già” tới châu Á - nơi được mệnh danh là “lục địa trẻ” với nghĩa tại đây tập trung đa số các nền kinh tế mới nổi đang tạo nên đầu tàu cho sự tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu. Lãnh đạo các nước thành viên ASEM có chung quan điểm trong nhiều vấn đề như tất cả các đối tác ASEM chung sống hòa bình, bảo đảm an ninh và ổn định lâu dài cho các dân tộc, loại trừ chiến tranh ra khỏi đời sống nhân loại, không sử dụng vũ lực; không can thiệp trực tiếp hoặc gián tiếp vào công việc nội bộ của nhau; giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình và nhất trí đẩy mạnh hợp tác về phát triển bền vững; bảo đảm cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế ổn định; phát triển xã hội và bảo vệ môi trường đồng thời cam kết thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các đối tác ASEM. Do đó, các cường quốc Mỹ, Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Nhật Bản, Australia, Liên minh Châu Âu, Hàn Quốc v.v. sẽ hoạch định chương trình nghị sự để biến CA - TBD thành trung tâm phát triển của thế giới.

Cũng ở CA - TBD, năm 2012 diễn ra Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 21 (ASEAN-21) và nhiều hội nghị cấp cao quan trọng khác, lần đầu tiên có sự tham gia của

Tổng thống Mỹ Barack Obama. Trong bối cảnh khu vực đang có nhiều thuận lợi cho hòa bình và hợp tác phát triển, nhưng cũng gặp không ít khó khăn, phức tạp, ASEAN-21 tập trung bàn về những vấn đề ưu tiên và quan trọng nhất của khu vực, nhất là việc bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực. Tại ASEAN-21 đã khởi động Hiệp định đối tác toàn diện khu vực (RCEP), bao gồm 16 quốc gia trong khu vực CA - TBD với nòng cốt là 10 quốc gia ASEAN cùng với Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand và Australia. Hiện tại, 16 quốc gia này đang chiếm khoảng 1/3 tổng lượng thương mại và GDP toàn cầu và như vậy, RCEP sẽ trở thành khu vực tự do mậu dịch lớn nhất thế giới, cùng với WTO.

#### **IV. MỘT VÀI DỰ BÁO VỀ THỜI GIAN KẾT THÚC KHỦNG HOẢNG**

Sau 5 năm nhìn lại, nhiều chuyên gia kinh tế hàng đầu thế giới khẳng định rằng, khủng hoảng sẽ chưa sớm kết thúc. Theo nhận xét của Nôren Rôbini (Nouriel Roubini), một trong các chuyên gia phân tích kinh tế hàng đầu thế giới, thì cuộc khủng hoảng toàn cầu đang tiếp diễn dưới hình thức cuộc khủng hoảng nợ công có tính hệ thống trong khu vực đồng tiền chung Châu Âu (Eurozone) sẽ đưa EU đến nguy cơ tan rã. Ngoài ra, Nôren Rôbini còn dự báo giai đoạn 3 của cuộc khủng hoảng sẽ đến khi nhịp độ tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc suy giảm mạnh và thị trường nhà đất ở quốc gia này sụp đổ. Theo ông, điều này có thể sẽ xảy ra vào năm 2013.

Còn Kennet Rôgôp (Kennet Rogoff), Giáo sư Đại học Havơt (Harvard) của Mỹ, nhận định, thế giới đã lâm vào vào một chu kỳ kéo dài của tăng trưởng kinh tế thấp, tỷ lệ thất nghiệp cao, thu nhập giảm, mức sống của cư dân nhiều nước trên thế giới sa sút, sẽ kéo theo tình trạng căng thẳng và xung đột địa - chính trị. Theo Kennet Rôgôp, thế giới vẫn chưa cảm thấy hết được những gì thế giới đang trải qua trong thực tế ngày hôm nay và sẽ bước vào kỷ nguyên mới được gọi là "tiêu chuẩn sống mới". Theo tính toán của Kennet Rôgôp, nếu loài người vẫn tiếp tục chạy theo "tiêu chuẩn sống Mỹ", thì đến năm 2030, nhân loại phải cần tới 5 Trái Đất mới đủ!

Gioocgiơ Xôrôt (Georg Soros), nhà tỷ phú nổi danh thế giới ở Mỹ, cho rằng, cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính hiện nay sẽ còn kéo dài thêm một thập niên nữa, thậm chí là xa hơn. Theo Gioocgiơ Xôrôt, chừng nào chưa hình thành hệ thống tài chính mới của thế giới, chưa cải tổ những cấu trúc cơ bản như thị trường tiền tệ và trái phiếu, chưa thay đổi các nguyên tắc hoạt động của các xí nghiệp tư nhân theo hướng nâng cao trách nhiệm xã hội, thì thế giới vẫn chưa thể vượt qua được cuộc khủng hoảng hiện nay. Theo dự báo của các chuyên gia kinh tế hàng đầu ở Phương Tây, cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế hiện nay chỉ có thể vượt qua được vào khoảng những năm 2020-2025.

## KẾT LUẬN

Năm 2012 là mốc thời gian 5 năm kể từ khi bùng phát cuộc khủng hoảng năm 2007. Khoảng thời gian tuy ngắn nhưng đã khiến thế giới thay đổi đáng kể. Nếu chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế, còn chiến tranh là sự kế tục của chính trị, thì cuộc khủng hoảng này đã và sẽ tác động sâu sắc tới cục diện chính trị - quân sự trong nhiều năm tới mà những gì đã diễn ra trong 5 năm qua chỉ là mới bắt đầu.

Năm 1989, bức tường Beclinh sụp đổ, Chiến tranh lạnh kết thúc ở châu Âu. Đến nay, sau hơn 20 năm, môi trường chiến lược thế giới đang trải qua những thay đổi mang tính thời đại. Ở châu Âu, cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế không chỉ là phép thử đối với độ bền vững của mô hình quốc gia - liên minh dưới dạng EU, trong đó có lĩnh vực đối ngoại, quốc phòng, khả năng kinh tế và chính trị của nhiều quốc gia - dân tộc, mà còn là phép thử đối với sự dính líu của Mỹ ở châu lục này. Hiện nay, Mỹ vốn là yếu tố chủ yếu đảm bảo an ninh cho các nước châu Âu, đã từng là đối tác và đồng minh của châu Âu trong NATO trong hơn 60 năm qua, đang phải ra sức đối phó với cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế trong nước, phải cắt giảm ngân sách quân sự và điều chỉnh lại chính sách đối ngoại và quốc phòng. Một khi Mỹ đang rút khỏi châu Âu và hướng về Châu Á - Thái Bình Dương, EU đang bị suy yếu và bị chia rẽ mới nhận thấy hết được tình cảnh không được bảo vệ.

Nhiều chuyên gia nhận định, nhìn chung, không riêng gì EU mà toàn bộ thế giới tư bản hiện nay đang phải trải qua giai đoạn phát triển phức tạp nhất, kịch tính nhất, kể từ thời Chiến tranh lạnh, được thể hiện ở cả cấp độ môi trường địa - chính trị toàn cầu cũng như môi trường bên trong EU

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Erick Hobsbawn / Trở về với học thuyết của Các Mác để tìm lời giải cho cuộc khủng hoảng tài chính trên quy mô toàn cầu hiện nay.* - Tạp chí Cộng sản điện tử, số 20 (164) năm 2009.
2. *Lê Thế Mẫu / Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu sau 5 năm nhìn lại.*- Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 12-10-2012
3. *Lê Thế Mẫu / Nguy cơ sụp đổ hệ thống tiền tệ toàn cầu dựa trên đồng USD được bảo đảm bằng dầu mỏ.*- Tạp chí Cộng sản điện tử, số 260, ngày 17/10/2012.
4. *Hương Ly / Trật tự thế giới nhìn từ cuộc khủng hoảng tài chính hiện nay ở Mỹ.*- Tạp chí Cộng sản điện tử, số 19 (163) năm 2009
5. *V.Putin / Nước Nga và thế giới đang thay đổi.*- Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội, năm 2012.
6. *Lê Thế Mẫu / Hội nghị G.20 - bước tiến mới tới trật tự thế giới mới.* - Tạp chí Cộng sản điện tử, số 22 (166).
7. *Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI.* - Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
8. *Phạm Quốc Trụ / Kinh tế thế giới năm 2011, triển vọng năm 2012.*- Những vấn đề kinh tế - chính trị thế giới, số 1-2012
9. *Phạm Thị Thanh Bình / Nợ công châu Âu - hình thức và bản chất.*- Những vấn đề kinh tế - chính trị thế giới, số 5-2012
10. *Phạm Anh Tuấn / Trần Thị Hồng Liên / Khủng hoảng nợ công châu Âu.*- Những vấn đề kinh tế - chính trị thế giới, số 5-2012
11. *Khương Duy / Tình hình kinh tế thế giới 6 tháng đầu năm 2012 và triển vọng.*- Những vấn đề kinh tế - chính trị thế giới số 7-2012
12. *Trần Nam Tiến / Về sự suy yếu của siêu cường Mỹ hiện nay .*- Những vấn đề kinh tế - chính trị thế giới số 4-2012
13. *Lê Thị Vân Nga / Kinh tế Mỹ năm 2011 và những vấn đề thách thức đối với quá trình phục hồi .*- Châu Mỹ ngày nay, số 2-2012
14. *Nguyễn Văn Lịch / Căn nguyên của phong trào chiếm phố Wall ở Mỹ.*- Những vấn đề kinh tế - chính trị thế giới số 4-2012